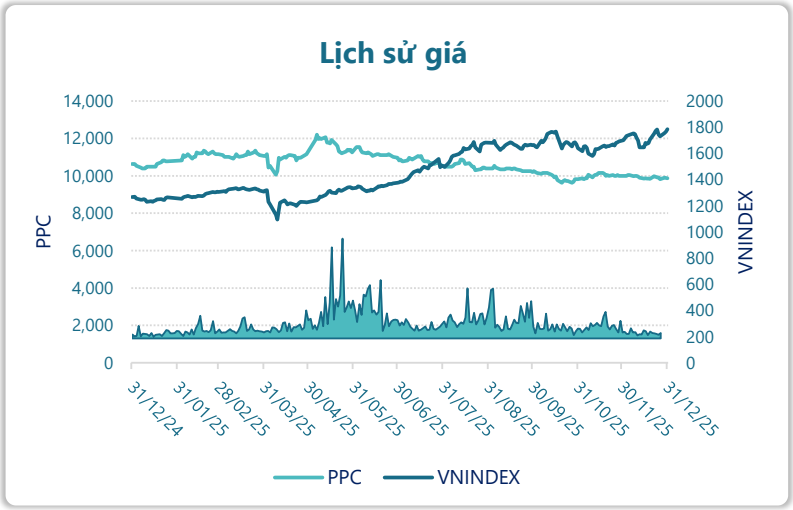
FireAnt

CTCP Nhiệt điện Phả Lại (HSX: PPC)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**9,860**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,199
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,626
SL cổ phiếu LH	320,613,054
KLGD BQ 20 phiên (CP)	152,915
% sở hữu nước ngoài	4.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,161
P/E	18.6
EPS	530

DT thuần

Q4/25

1,593

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 96.0| 6.4%

YoY: ▼157| -9.0%

LN sau thuế

Q4/25

126

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 140| 979%

YoY: ▼52.0| -29.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

3.1%

+/- YoY: ▼ 2.7%

DT thuần

2025

6,566

tỷ VNĐ

YoY: ▼1,115| -14.5%

LN sau thuế

2025

170

tỷ VNĐ

YoY: ▼257| -60.2%

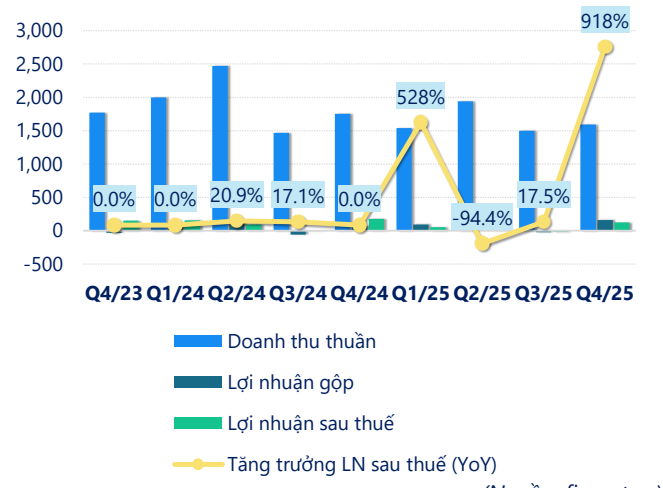
ROE

2025

3.8%

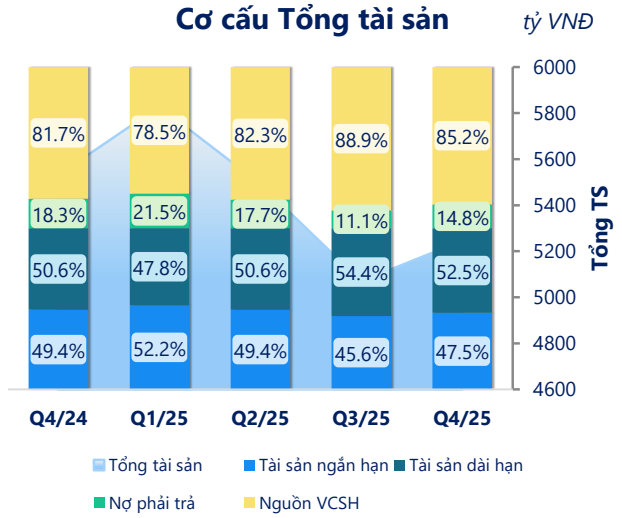
+/- YoY: ▼ 5.2%

Kết quả kinh doanh



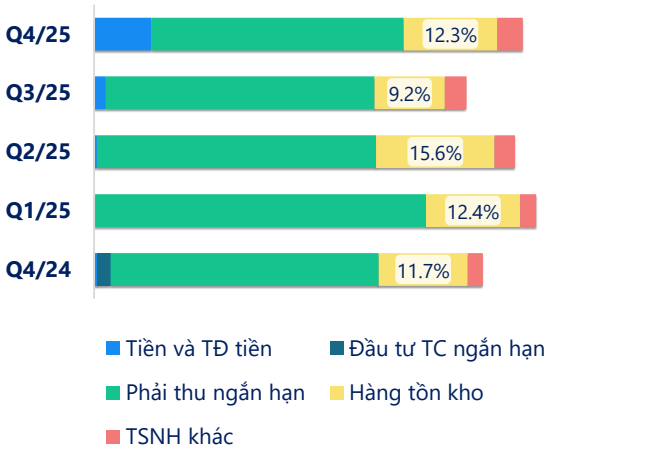
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



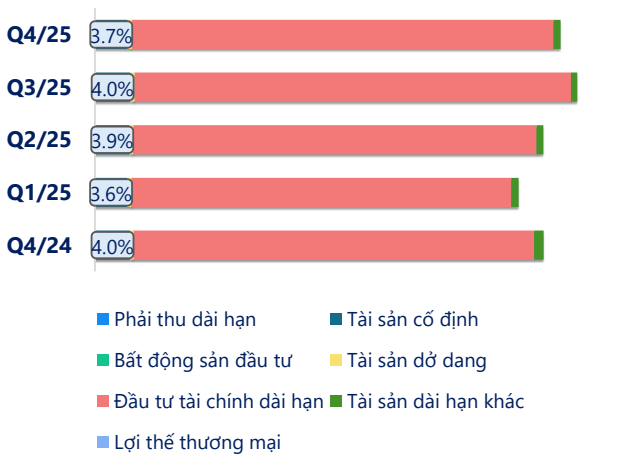
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



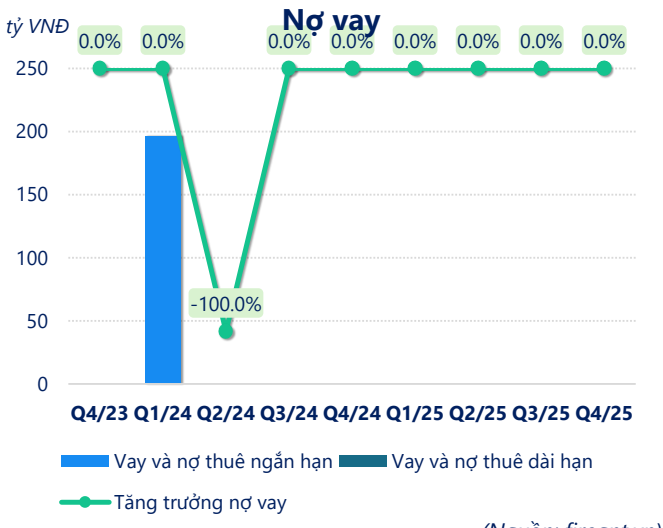
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



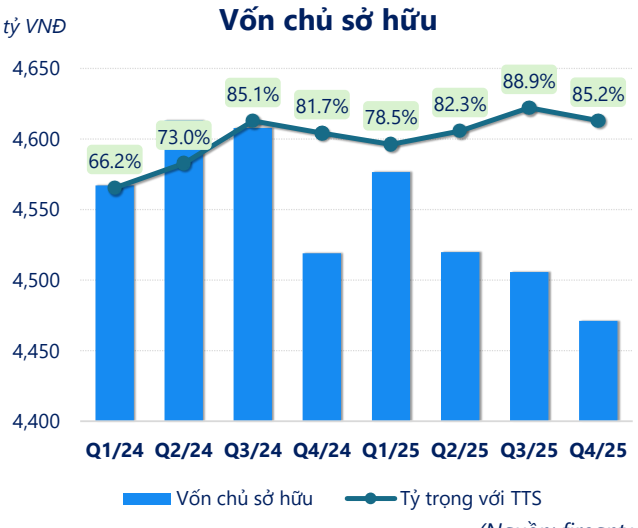
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



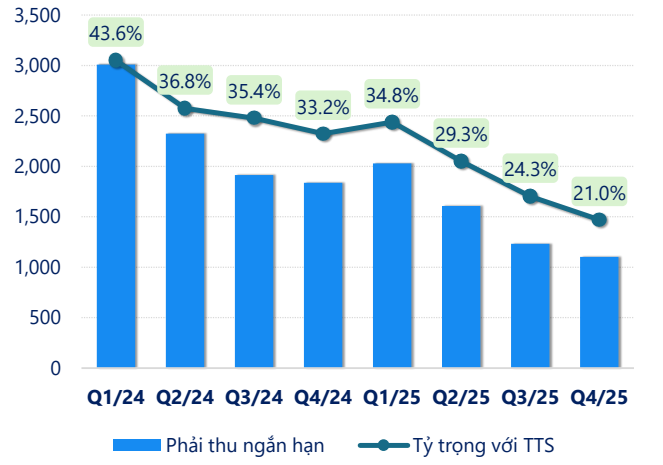
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



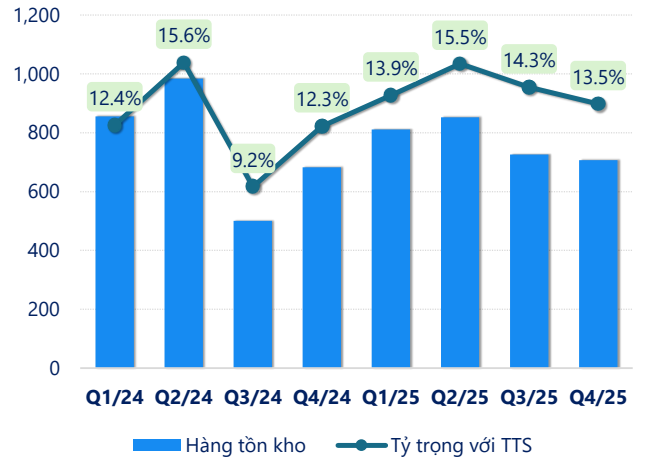
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



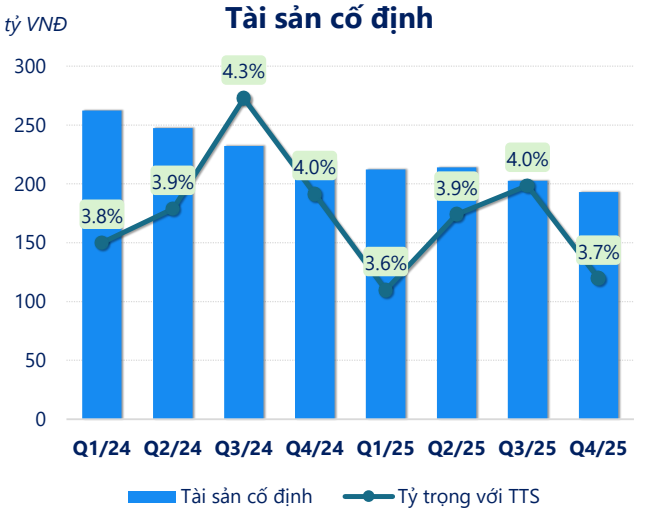
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



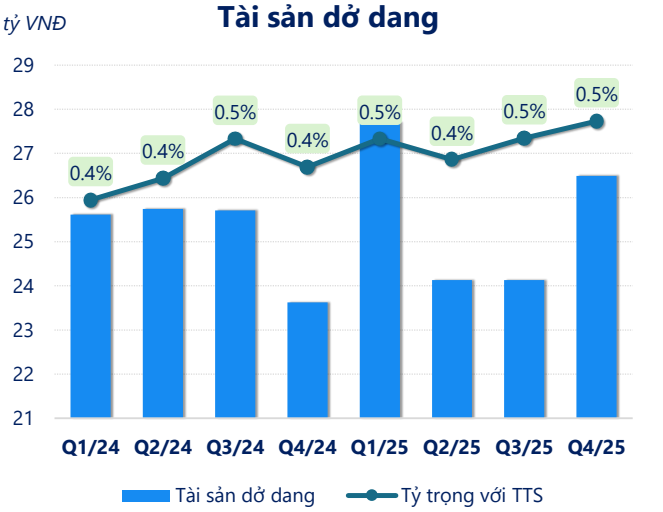
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



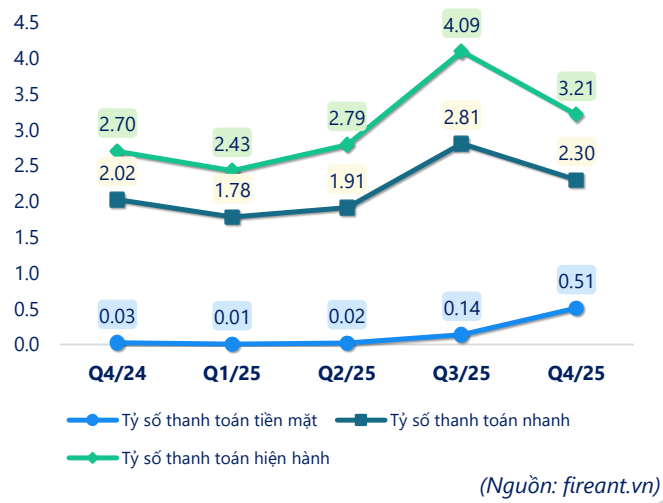
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



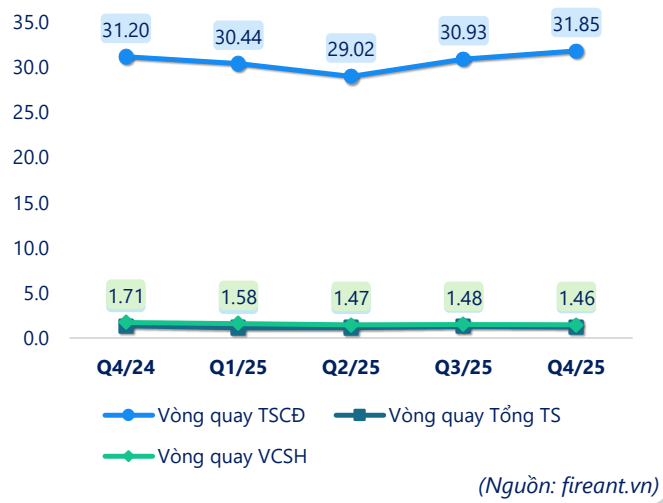
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**5,531**	**5,829**	**5,492**	**5,070**	**5,246**
Tài sản ngắn hạn	**2,730**	**3,042**	**2,713**	**2,312**	**2,490**
Tiền và tương đương tiền	25.5	7.02	19.7	77.6	395
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	5.00	40.0
Phải thu ngắn hạn	1,837	2,030	1,608	1,232	1,102
Hàng tồn kho	682	811	853	726	707
Tài sản ngắn hạn khác	186	194	233	271	246
Tài sản dài hạn	**2,801**	**2,787**	**2,779**	**2,759**	**2,756**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	219	212	214	203	193
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	23.6	27.7	24.1	24.1	26.5
Đầu tư tài chính dài hạn	2,497	2,497	2,497	2,497	2,495
Tài sản dài hạn khác	60.5	50.0	43.5	35.5	41.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,012**	**1,252**	**972**	**565**	**775**
Nợ ngắn hạn	**1,012**	**1,252**	**972**	**565**	**775**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	799	1,176	733	395	664
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**4,519**	**4,577**	**4,520**	**4,506**	**4,471**
Vốn chủ sở hữu	**4,519**	**4,577**	**4,520**	**4,506**	**4,471**
Vốn điều lệ	3,262	3,262	3,262	3,262	3,262
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)